

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, sản xuất
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp các công trình giao thông, thủy điện, bưu điện, hệ thống điện đến 220KV, hệ thống cấp thoát nước công nghiệp và dân dụng; Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh nhà máy điện;

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Thi công xây lắp hệ thống điện đến 220KV;

Kinh doanh thép, xi măng, chất phụ gia bê tông, vật tư, thiết bị xây dựng; Kinh doanh vật liệu không nung; Kinh doanh điện; Khai thác, vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Sản xuất vật liệu xây dựng không nung

- 4. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 235 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 238 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	04 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	6

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

12. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	328.850.602	2.587.390.291
Tiền gửi ngân hàng	2.289.788.001	8.428.354.529
Cộng	<u>2.618.638.603</u>	<u>11.015.744.820</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		5.349.963.991		5.349.963.991
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (STP)	20	300.000	20	300.000
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý (VIS)	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (SCC)	40	400.000	40	400.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (SDD)	81.500	815.000.000	81.500	815.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà (SDP)	135.487	1.432.289.991	135.487	1.432.289.991
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (SHN)	184	1.974.000	184	1.974.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (SCL)	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho vay ngắn hạn	995.496.564	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Việt - Lào	995.496.564	
Cộng	6.345.460.555	5.349.963.991

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	593.765.391
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	(87.313.111)
Số cuối năm	506.452.280

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động kinh doanh thương mại	16.428.958.835	167.046.033
Hoạt động xây lắp	71.672.707.508	71.994.367.202
Hoạt động sản xuất công nghiệp	174.719.310	174.719.310
Cung cấp dịch vụ	27.469.780.339	36.878.611.159
Hoạt động khác	1.397.663.374	2.468.236.942
Cộng	117.143.829.366	111.682.980.646

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động xây lắp	9.177.494.113	7.071.131.378
Hoạt động sản xuất công nghiệp	1.975.908.620	1.782.695.200
Cung cấp dịch vụ		193.213.420
Hoạt động khác	52.667.700	3.907.875.044
Cộng	11.206.070.433	12.954.915.042

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	1.289.854.183	852.038.343
Chi phí vận chuyển tại các công trình	6.287.965.161	1.373.130.368
Phải thu các đội thi công	11.204.231.921	11.748.290.884
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	15.911.980.003	14.065.514.063
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	2.137.178.472	3.043.992.423
Lãi chậm trả người mua	1.385.516.305	3.246.522.618
Chi trả BHXH thay BHXH tỉnh Hòa Bình	106.610.143	141.664.197
Tiền xử lý trách nhiệm	2.203.780.582	
Tiền tạm ứng của CBNV đã nghỉ việc	881.152.653	
Các khoản phải thu khác	535.301.870	256.757.416
Cộng	41.943.571.293	34.727.910.312

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	14.887.846.910	13.878.590.514
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	<i>14.887.846.910</i>	<i>13.878.590.514</i>
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi		
Cộng	<u>14.887.846.910</u>	<u>13.878.590.514</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	13.878.590.514
Trích lập dự phòng bổ sung	1.009.256.396
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối năm	<u>14.887.846.910</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.813.508.085	5.729.377.726
Công cụ, dụng cụ	22.029.094	9.646.098
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.374.148.835	73.516.107.486
Thành phẩm	178.938.830	447.455.206
Hàng hóa	11.774.415.355	18.740.066.713
Cộng	<u>66.163.040.199</u>	<u>98.442.653.229</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí Công cụ dụng cụ	98.254.745	12.656.057
Chi phí sửa chữa	107.625.824	
Cộng	<u>205.880.569</u>	<u>12.656.057</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	27.929.927.783	26.698.710.356
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	340.445.056	477.445.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	298.455.804	850.605.772
Cộng	<u>28.568.828.643</u>	<u>28.026.761.128</u>

11. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	9.538.169.955	7.896.345.685	7.375.552.169	335.930.610	25.145.998.419
Tăng trong năm					
Giảm trong năm					
Số cuối năm	9.538.169.955	7.896.345.685	7.375.552.169	335.930.610	25.145.998.419
<i>Trong đó</i>					
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	2.093.807.709	3.994.168.026	5.591.873.988	300.930.610	11.980.780.333
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.118.433.571	6.788.227.484	6.377.638.116	288.601.871	17.572.901.042
Tăng do khấu hao trong năm	662.558.987	422.059.905	341.228.377	35.078.726	1.460.925.995
Giảm trong năm					
Số cuối năm	4.780.992.558	7.210.287.389	6.718.866.493	323.680.597	19.033.827.037
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.419.736.384	1.108.118.201	997.914.053	47.328.739	7.573.097.377
Số cuối năm	4.757.177.397	686.058.296	656.685.676	12.250.013	6.112.171.382

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	10.685.299.943	742.027.775	9.943.272.168
Tăng trong năm		1.780.866.660	(1.780.866.660)
Giảm trong năm			
Cộng	10.685.299.943	2.522.894.435	8.162.405.508

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	965.540.364	34.169.524	999.709.888
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
Số cuối năm	965.540.364	34.169.524	999.709.888
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		34.169.524	34.169.524

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	239.845.831	34.169.524	274.015.355
Tăng trong năm	38.621.616		38.621.616
Giảm trong năm			
Số cuối năm	278.467.447	34.169.524	312.636.971
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	725.694.533		725.694.533
Số cuối năm	687.072.917		687.072.917

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí mua sắm lắp đặt máy kéo thặng thép.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Vốn góp liên doanh				
Công ty Sản xuất Thương mại BMM ⁽ⁱ⁾		69.957.550.618		77.246.023.372
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc ⁽ⁱⁱ⁾	708.000	7.080.000.000	708.000	7.080.000.000
Cộng		77.037.550.618		84.326.023.372

⁽ⁱ⁾ Là khoản đầu tư liên danh vào Công ty Sản xuất Thương mại BMM (sau đây viết tắt là BMM) theo hợp đồng Liên danh số 107/2008/HĐLD ngày 05/6/2008 về việc liên danh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông. BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương tỷ lệ 63%, Công ty góp bằng giá trị xây lắp tương đương tỷ lệ 37%. Theo phụ lục hợp đồng liên danh số 01/2010/HĐLD SDD12-BMM và phụ lục hợp đồng liên danh số 02/2013/HĐLD SDD12-BMM ngày 30/9/2013 hai bên thỏa thuận lại BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương với 80%, Công ty góp bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư dự án. Tổng vốn đầu tư của dự án theo quyết định số 14/QĐ/BQLDA ngày 06/8/2009 là 312.786.000.000 VND đã trừ chi phí sử dụng đất và giải phóng mặt bằng. Lợi nhuận Công ty được hưởng là 20% thu nhập sau thuế của dự án.

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty đầu tư vào Công ty Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc 22% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.080.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ (số đầu năm là 7.080.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ). Trong đó vốn ủy thác đầu tư của cán bộ nhân viên Công ty là 2.572.100.000 VND tương đương với 257.210 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		11.397.500.000		14.693.500.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên</i>	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc</i>	194.000	1.940.000.000	194.000	1.940.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess</i>	45.750	457.500.000	375.350	3.753.500.000
Cộng		11.397.500.000		14.693.500.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess: giảm do tách sổ cổ đông tương ứng với 329.600 cổ phiếu cho các cá nhân ủy thác đầu tư qua Công ty.

Chi tiết các khoản đầu tư

	Vốn góp của Công ty	Vốn góp ủy thác	Tổng giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	2.070.000.000	6.930.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc		1.940.000.000	1.940.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess		457.500.000	457.500.000
Cộng	2.070.000.000	9.327.500.000	11.397.500.000

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyễn Lộc	1.506.473.535	1.335.069.938
<i>Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</i>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	2.070.000.000	1.341.083.688
Cộng	3.576.473.535	2.676.153.626

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	2.676.153.626
Trích lập dự phòng bổ sung	900.319.909
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối năm	3.576.473.535

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	192.539.872	53.676.776	178.406.286	67.810.362
Chi phí sửa chữa lắp đặt	739.094.394	446.054.289	411.858.777	773.289.906
Chi phí điện sáng	5.673.926		2.063.244	3.610.682
Cộng	937.308.192	499.731.065	592.328.307	844.710.950

20. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.243.391.418	18.165.051.179
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	343.391.418	12.165.051.179
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽ⁱⁱ⁾		6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.900.000.000	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	13.757.544.854	12.507.775.500
Tổng Công ty Sông Đà		3.000.000.000
Vay các cá nhân khác	13.757.544.854	9.507.775.500
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.552.080.000	
Cộng	24.553.016.272	30.672.826.679

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để trả lương, chi phí nguyên vật liệu và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài xây lắp và ngoài cung cấp vật tư, thiết bị với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng.

⁽ⁱⁱ⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 297.13.056.1423521.TD ngày 12/12/2013, hạn mức 2 tỷ, lãi suất theo từng lần giải ngân, kỳ hạn: 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích thanh toán tiền tro bay, tài sản đảm bảo là: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01.13.056.1423521 giá trị 4.200.000.000 VND.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/645389/HDTD ngày 11 tháng 7 năm 2014, hạn mức 10.900.000.000 VND, mục đích vay "kinh doanh tro bay làm phụ gia bê tông", lãi suất theo từng lần giải ngân. Tài sản thế chấp là quyền đòi nợ/ các khoản nợ phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	18.165.051.179	21.053.022.024		29.974.681.785	9.243.391.418
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	12.507.775.500	14.769.859.946		13.520.090.592	13.757.544.854
Nợ thuê tài chính đến hạn trả			1.552.080.000		1.552.080.000
Cộng	30.672.826.679	35.822.881.970	1.552.080.000	43.494.772.377	24.553.016.272

22. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động kinh doanh thương mại	26.599.288.951	824.149.133
Hoạt động xây lắp	25.829.990.761	31.137.701.896
Hoạt động sản xuất công nghiệp	976.646.082	1.006.646.082
Cung cấp dịch vụ	17.354.986.092	46.228.105.049
Hoạt động khác	1.495.198.849	1.797.327.415
Cộng	72.256.110.735	80.993.929.575

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động xây lắp	22.654.969.209	12.927.448.547
Cung cấp dịch vụ	666.309.000	873.103.313
Cộng	23.321.278.209	13.800.551.860

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.526.182.389	5.912.800.478	3.237.003.739	17.201.979.128
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.859.097.656			5.859.097.656
Thuế thu nhập cá nhân	1.132.798.657	147.073.840	37.513.111	1.242.359.386
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	331.295.690	523.813.161	556.273.521	298.835.330
Các loại thuế khác		6.000.000	6.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.018.943.525	1.467.583.569		6.486.527.094
Cộng	26.868.317.917	8.057.271.048	3.836.790.371	31.088.798.594

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.202.286.469)	1.360.037.506
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.479.809.562	3.485.002.639
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.682.573.062	3.875.026.639
Phạt chậm nộp BHXH	2.682.573.062	3.875.026.639
- Các khoản điều chỉnh giảm	(202.763.500)	(390.024.000)
Cổ tức nhận được	(202.763.500)	(390.024.000)
Thu nhập chịu thuế	(12.722.476.907)	4.845.040.145
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	(12.722.476.907)	4.845.040.145
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông		1.211.260.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		1.211.260.036
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		5.053.750
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		1.216.313.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		1.216.313.786

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê văn phòng	602.179.050	1.791.146.596
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	444.746.667	312.000.000
Chi phí lãi vay	192.675.000	
Phí kiểm toán	442.000.000	260.000.000
Chi phí các công trình	6.283.553.232	4.802.724.804
Chi phí thuê kho	1.274.294.150	
Chi phí khác	142.280.733	373.576.035
Cộng	9.381.728.832	7.539.447.435

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	8.107.702.457	7.045.605.617
Bảo hiểm thất nghiệp	94.067.042	123.743.401
Kinh phí công đoàn	848.008.558	1.148.594.732
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	1.050.081.424	1.100.081.424
Lãi vay phải trả	813.541.599	1.103.036.016
Tiền hoàn ứng các công trình	6.462.278.216	6.093.289.561
Quỹ Sông Đà	11.455.522	35.947.353
Thu hộ Công ty Sản xuất Thương mại BMM tiền mua nhà	41.129.101.696	
Lãi chậm nộp BHXH	3.699.157.015	1.387.810.617
Vay cá nhân không tính lãi	2.871.689.183	1.760.774.099
Phải trả, phải nộp khác	2.206.422.863	2.955.554.049
Cộng	<u><u>74.793.505.575</u></u>	<u><u>30.254.436.869</u></u>

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	288.377.440
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	
Chi quỹ trong năm	(172.869.000)
Số cuối năm	<u><u>115.508.440</u></u>

28. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền bán nhà thu theo hợp đồng liên danh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM đang chờ quyết toán	57.624.905.881	
Tiền ủy thác đầu tư của CBCNV	11.558.250.000	
Vay dài hạn CBNV không tính lãi	2.447.400.000	
Cộng	<u><u>71.630.555.881</u></u>	

29. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên		6.930.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc		2.572.100.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức		4.387.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PV Inconess		3.753.500.000
Tiền mua nhà chung cư BMM		108.184.118.162
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng ACB ⁽ⁱ⁾	1.812.395.795	7.503.355.795
Cộng	<u><u>1.812.395.795</u></u>	<u><u>133.330.473.957</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân Hàng ACB theo hợp đồng cho thuê tài chính số 01.08.11/HDCTTC - SD 12 ngày 8/11/2011, tài sản cơ thuê là dây chuyền sản xuất gạch nhẹ bê tông bọt tổng giá trị 8.913.476.000 VND. Lãi suất cho thuê trong hạn LS13T+8,5%/năm, lãi suất quán hạn 150% lãi suất trong hạn, thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Năm nay</u>
Từ 1 năm trở xuống	
Trên 1 năm đến 5 năm	1.812.395.795
Trên 5 năm	
Cộng	<u><u>1.812.395.795</u></u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do phân loại lại	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	6.930.000.000			6.930.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	2.572.100.000			2.572.100.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực	4.387.400.000			4.387.400.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư PV Inconess	3.753.500.000			3.753.500.000	
Tiền mua nhà chung cư BMM	108.184.118.162			108.184.118.162	
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng ACB	7.503.355.795		776.040.000	4.914.920.000	1.812.395.795
Cộng	<u><u>133.330.473.957</u></u>		<u><u>776.040.000</u></u>	<u><u>130.742.038.162</u></u>	<u><u>1.812.395.795</u></u>

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	11.616.851.116	3.004.237.106	1.012.466.845	65.633.555.067
Lợi nhuận trong năm trước				143.723.720	143.723.720
Trích lập các quỹ		1.012.466.845		(1.012.466.845)	
Số dư cuối năm trước	<u><u>50.000.000.000</u></u>	<u><u>12.629.317.961</u></u>	<u><u>3.004.237.106</u></u>	<u><u>143.723.720</u></u>	<u><u>65.777.278.787</u></u>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	12.629.317.961	3.004.237.106	143.723.720	65.777.278.787
Lợi nhuận trong năm				(15.202.286.469)	(15.202.286.469)
Trích lập các quỹ		143.723.720		(143.723.720)	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số dư cuối năm nay	<u>50.000.000.000</u>	<u>12.773.041.681</u>	<u>3.004.237.106</u>	<u>(15.202.286.469)</u>	<u>50.574.992.318</u>
---------------------------	------------------------------	------------------------------	-----------------------------	--------------------------------	------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	153.380.269.338	155.078.663.752
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	58.368.709.598	58.033.580.536
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	45.305.581.405	1.078.710.483
- <i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	49.705.978.335	95.919.491.302
- <i>Doanh thu hoạt động kinh doanh khác</i>		46.881.431
Các khoản giảm trừ doanh thu:	283.767.526	449.076.661
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	283.767.526	449.076.661
Doanh thu thuần	<u><u>153.096.501.812</u></u>	<u><u>154.629.587.091</u></u>

Trong đó:

- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	58.084.942.072	57.584.503.875
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	45.305.581.405	1.078.710.483
- <i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng</i>	49.705.978.335	95.919.491.302
- <i>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh khác</i>		46.881.431

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	59.167.690.843	52.340.389.642
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.360.262.875	1.071.937.078
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	44.999.425.318	78.733.173.978
Cộng	<u><u>147.527.379.036</u></u>	<u><u>132.145.500.698</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	63.274.714	29.684.538
Lãi tiền cho vay	2.905.341.352	5.720.061.405
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		160.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	202.763.500	390.024.000
Lãi bán hàng trả chậm	638.993.687	
Cộng	<u><u>3.810.373.253</u></u>	<u><u>6.139.929.943</u></u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.578.623.661	11.307.216.086
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	813.006.798	(3.229.101.200)
Chi phí tài chính khác		5.862.900
Cộng	<u><u>5.391.630.459</u></u>	<u><u>8.083.977.786</u></u>

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí bằng tiền khác

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.497.338.785	8.979.800.936
Chi phí vật liệu quản lý	834.572.035	795.939.739
Chi phí đồ dùng văn phòng	397.471.994	369.561.106
Chi phí khấu hao TSCĐ	430.962.862	660.597.541
Thuế, phí và lệ phí	160.198.401	120.087.669
Chi phí dự phòng	1.009.256.396	558.012.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.551.827.277	2.992.575.076
Chi phí bằng tiền khác	4.591.790.579	1.654.969.254
Cộng	<u><u>16.473.418.329</u></u>	<u><u>16.131.544.113</u></u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu bán phế liệu thanh lý		1.639.572.454
Thu từ dịch vụ cho thuê	226.081.067	432.185.485
Thuế đất được miễn giảm		623.723.980
Thu khác	253.265.265	251.912.120
Cộng	<u><u>479.346.332</u></u>	<u><u>2.947.394.039</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		2.228.524.965
Tiền phạt chậm nộp thuế, BH	2.682.573.062	3.226.907.287
Giảm giá trị khối lượng quyết toán	32.931.308	
Chi phí khác	3.404.275	540.418.718
Cộng	<u>2.718.908.645</u>	<u>5.995.850.970</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.202.286.469)	143.723.720
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(15.202.286.469)	143.723.720
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(3.040)</u>	<u>29</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và các khoản thưởng	596.773.498	1.575.352.551

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Việt - Lào	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyễn Lộc	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Trả tiền vay	3.000.000.000	
Cung cấp khối lượng xây lắp hoàn thành cho TCT	4.899.230.058	4.674.018.081
TCT cung ứng dịch vụ	353.806.389	967.826.795
Tiền lãi vay phải trả TCT	77.972.161	206.834.213

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long

Thanh toán khối lượng xây lắp 1.281.088.338

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Việt - Lào

Cho vay ngắn hạn 995.496.564

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà		
Phải thu tiền hàng hóa đã cung cấp	191.813.078	471.821.194
Phải thu khối lượng xây lắp hoàn thành	5.820.766.945	

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long

Phải thu khối lượng xây lắp hoàn thành 1.252.509.470

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Việt - Lào

Tiền cho vay 995.496.564

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên

Phải thu khối lượng xây lắp hoàn thành 8.147.463.769 8.147.463.769

Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Phải thu tiền khối lượng công trình 340.227.933 2.786.360.802

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn		
Phải thu tiền khối lượng công trình	555.881.000	555.881.000
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà		
Phải thu tiền vận chuyển	120.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội		
Phải thu tiền khối lượng công trình		103.161.762
Cộng nợ phải thu	15.495.768.289	13.437.197.997
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên		
Ứng trước khối lượng xây lắp	340.000.000	340.000.000
Tổng Công ty Sông Đà		
Phải trả tiền vay		3.000.000.000
Phải trả tiền lãi vay	77.972.161	206.834.213
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc		
Phải trả khối lượng xây lắp	2.243.128.578	2.243.128.578
Cộng nợ phải trả	2.661.100.739	5.789.962.791

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Xây dựng lắp đặt các công trình điện, thủy điện
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Bán hàng hóa.
- Lĩnh vực khác: Cung ứng dịch vụ, sản phẩm công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	49.705.978.335	58.084.942.072	45.305.581.405	153.096.501.812
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.705.978.335	58.084.942.072	45.305.581.405	153.096.501.812
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.706.553.017	(1.082.748.771)	1.945.318.530	5.569.122.776
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(16.950.589.726)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(11.381.466.950)
Doanh thu hoạt động tài chính				3.810.373.253
Chi phí tài chính				(5.391.630.459)
Thu nhập khác				479.346.332
Chi phí khác				(2.718.908.645)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(15.202.286.469)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	162.248.132	189.598.388	147.884.545	499.731.065
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.257.366.801	1.469.321.804	1.146.053.973	3.872.742.578
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	95.919.491.302	57.584.503.875	1.125.591.914	154.629.587.091
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	95.919.491.302	57.584.503.875	1.125.591.914	154.629.587.091

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.186.317.324	5.244.114.233	53.654.836	22.484.086.393
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(16.131.544.113)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				6.352.542.280
Doanh thu hoạt động tài chính				6.139.929.943
Chi phí tài chính				(8.083.977.786)
Thu nhập khác				2.947.394.039
Chi phí khác				(5.995.850.970)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.216.313.786)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				143.723.720
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.491.565.864	6.298.528.140	123.115.975	16.913.209.980
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.025.348.554	1.816.243.947	35.501.730	4.877.094.231

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	65.962.354.711	16.428.958.835	31.070.739.343	113.462.052.889
Tài sản phân bổ cho bộ phận	50.732.600.232	59.284.622.179	46.241.317.980	156.258.540.391
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				97.118.473.529
Tổng tài sản				366.839.066.809
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	48.484.959.970	26.599.288.951	20.493.140.023	95.577.388.944
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	24.909.634.508	29.108.665.113	22.704.421.315	76.722.720.936
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				143.963.964.611
Tổng nợ phải trả				316.264.074.491

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số đầu năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>172.237.738.635</u>	<u>18.907.112.746</u>	<u>55.796.078.449</u>	246.940.929.830
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>11.870.848.282</u>		<u>4.367.391.657</u>	16.238.239.939
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				141.377.730.640

Tổng tài sản

404.556.900.409

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>48.867.875.247</u>	<u>824.149.133</u>	<u>49.905.181.859</u>	99.597.206.239
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>46.541.098.286</u>	<u>133.330.473.957</u>	<u>17.122.887.893</u>	196.994.460.136
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				42.187.955.247

Tổng nợ phải trả

338.779.621.622

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty thành viên vay. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.618.638.603				2.618.638.603
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4.432.289.991	917.674.000			5.349.963.991
Phải thu khách hàng	102.255.982.456			14.887.846.910	117.143.829.366
Các khoản cho vay	995.496.564				995.496.564
Các khoản phải thu khác	27.275.743.525				27.275.743.525
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.397.500.000	9.000.000.000			11.397.500.000
Cộng	139.975.651.139	9.917.674.000		14.887.846.910	164.781.172.049
	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.015.744.820				11.015.744.820
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.915.000.000	1.434.963.991			5.349.963.991
Phải thu khách hàng	97.804.390.132			13.878.590.514	111.682.980.646
Các khoản phải thu khác	22.725.615.350				22.725.615.350
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.693.500.000	9.000.000.000			14.693.500.000
Cộng	141.154.250.302	10.434.963.991		13.878.590.514	165.467.804.807

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	24.553.016.272	1.812.395.795		26.365.412.067
Phải trả người bán	72.256.110.735			72.256.110.735
Các khoản phải trả khác	64.964.021.119	71.630.555.881		136.594.577.000
Cộng	161.773.148.126	73.442.951.676		235.216.099.802
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	30.672.826.679	133.330.473.957		164.003.300.636
Phải trả người bán	80.993.929.575			80.993.929.575
Các khoản phải trả khác	21.702.919.039			21.702.919.039
Cộng	133.369.675.293	133.330.473.957		266.700.149.250

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm (VND)</u>	<u>Số đầu năm (VND)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.618.638.603	11.015.744.820
Vay và nợ	(26.365.412.067)	(38.176.182.474)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>(23.746.773.464)</u>	<u>(27.160.437.654)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 474.935.969 VND (năm trước giảm/tăng 543.508.753 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 377.793.913 VND (năm tăng/giảm 356.714.895 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay/kỳ này không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.618.638.603		11.015.744.820		2.618.638.603	11.015.744.820
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5.349.963.991	(506.452.280)	5.349.963.991	(593.765.391)	4.843.511.711	4.756.198.600
Phải thu khách hàng	117.143.829.366	(14.887.846.910)	111.682.980.646	(13.878.590.514)	102.255.982.456	97.804.390.132
Các khoản cho vay	995.496.564				995.496.564	
Các khoản phải thu khác	27.275.743.525		22.725.615.350		27.275.743.525	22.725.615.350
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.397.500.000	(1.507.565.650)	14.693.500.000	(1.341.083.688)	9.889.934.350	13.352.416.312
Cộng	164.781.172.049	(16.901.864.840)	165.467.804.807	(15.813.439.593)	147.879.307.209	149.654.365.214

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	26.365.412.067	164.003.300.636	26.365.412.067	164.003.300.636
Phải trả người bán	72.256.110.735	80.993.929.575	72.256.110.735	80.993.929.575
Các khoản phải trả khác	136.594.577.000	21.702.919.039	136.594.577.000	21.702.919.039
Cộng	235.216.099.802	266.700.149.250	235.216.099.802	266.700.149.250

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty áp dụng phương pháp gián tiếp để lập Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Công ty cũng đã lập lại lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để làm số liệu so sánh.

Lập, ngày 9 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hải

Hoàng Văn Thái